TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:13/2023/HNGĐ-ST

Ngày 19 - 6 - 2023

"V/v: Tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Minh Trang.

Bà Nguyễn Thị Phương Nga.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Hiên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 89/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/6/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1976; Nơi ĐKHKTT: Thôn HQ, xã ĐL, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương; Chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã HL, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh Trần Văn N, sinh năm 1971; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn HQ, xã ĐL, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

Chị T có đơn xin xử vắng mặt, và anh N vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Phạm Thị T có đơn xin xử vắng mặt nhưng theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, chị Phạm Thị T trình bày:

+ Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn tại UBND xã ĐL, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương vào ngày 29/8/2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng trong cuộc sống có nhiều bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, kinh tế khó khăn, tính cách anh N gia trưởng chửi mắng, đánh đập vợ con, đã nhiều lần chị bỏ về nhà mẹ đẻ, anh N tìm gặp chị và xin lỗi, sửa đổi, vì con nên chị đã quay về sống cùng với anh N. Tuy nhiên anh N không thay đổi tính cách, tình cảm vợ chồng không khắc phục được và vợ chồng mâu thuẫn ngày càng căng thẳng hơn. Đến tháng 9/2022, sau khi vợ chồng mâu thuẫn về cách nuôi dạy con, anh N đã chửi và đuổi chị T ra khỏi nhà, chị T bỏ về quê mẹ đẻ Thanh Hà ở hẳn, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Từ khi sống ly thân vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trần Thị Th, sinh ngày 25/01/2003 và Trần Văn L, sinh ngày 17/12/2007. Hiện nay cháu Th đã trưởng thành nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Hiện nay cháu L đang ở cùng chị T và có đơn xin ở với chị. Chị T hiện làm công nhân tại công ty TNHH May Ever-Glory (Việt Nam) mức thu nhập khoảng 6.800.000đ đến 9.000.000đ/tháng và có nơi ở ổn định nên chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con Trần Văn L và chị T tự nguyện không yêu cầu anh Nản cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng cùng chị.

+ *Về tài sản chung:* Chị T và anh N tự giải quyết không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ *Về nợ chung:* Anh chị không vay nợ ai, không ai nợ vợ chồng anh chị nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công sức: Chị T và anh N tự giải quyết không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Trần Văn N vắng mặt hai lần không có lý do,*Toà án đến gia đình anh N cùng địa phương để tống đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác của Toà án cho anh N nhưng anh N từ chối không ký nhận nhưng Tòa án vẫn tiến hành lấy lời khai của anh N, anh N trình bày được thể hiện: Anh và chị T kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐL, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương vào ngày 29/8/2001. Anh N kết hôn với chị T là đời vợ thứ hai, sau khi đã ly hôn

người vợ trước. Anh chị chung sống cùng nhau tại thôn HQ, xã ĐL, huyện Nam Sách, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 05 - 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế khó khăn, vợ chồng không thống nhất được cách quản lý, chi tiêu, chị T không chịu làm việc nhà, không vun vén gia đình dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm về cách nuôi dạy con. Mỗi lần vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị T thường tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ huyện Thanh Hà ở, mỗi lần như vậy anh N đều gọi điện, tìm gặp và đón chị T về, có lần chị T bỏ đi đâu anh không biết, sau vài ngày chị T lại quay về sống với anh N. Đến tháng 9/2022 sau khi vợ chồng bất đồng mâu thuẫn với nhau về việc dạy con, chị T đã bỏ về HL, huyện Thanh Hà ở cho đến nay không quay về sống cùng anh nữa, anh N đã nhiều lần gọi điện liên hệ với chị T nhưng chị T không nghe máy, anh không tìm gặp chị T nữa. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh, chị T tự gửi đơn thì tự giải quyết. Quyền của chị T xin ly hôn anh, anh không có ý kiến gì,

+ Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trần Thị Th, sinh ngày 25/01/2003 và Trần Văn L, sinh ngày 17/12/2007. Hiện nay cháu Th đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Cháu L đi theo ở cùng mẹ, có nguyện vọng ở với mẹ, chị T cũng muốn được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con anh nhất trí.

+ *Về tài sản chung:* Anh và chị T tự giải quyết không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ *Về nợ chung:* Anh chị không vay nợ ai, không ai nợ vợ chồng anh chị nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ *Về công sức:* Vợ chồng không có công sức gì anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tòa án tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương về tình trạng hôn nhân của chị T và anh N, được thể hiện: Trước khi anh Trần Văn N kết hôn với chị Phạm Thị T anh N đã qua một lần vợ và đã giải quyết ly hôn. Anh N và chị T có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐL, huyện Nam Sách vào tháng 8/2001 và có đăng ký hộ khẩu tại địa phương. Sau khi kết hôn anh N và chị T sinh sống tại thôn HQ, xã ĐL. Anh N đi làm phụ xây, chị T đi làm công nhân, trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn do anh Nản ghen tuông, anh Nản cũng đã từng chửi mắng, đánh chị T. Nhiều lần chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở huyện Thanh Hà và bỏ đi đâu ở sau đó chị T lại quay về chung sống với anh N. Đến giữa năm 2022 chị T và con trai (cháu L) đã bỏ về quê chị T ở HL, huyện Thanh Hà ở cho đến nay, không quay lại sống cùng anh N nữa. Khi anh chị xảy ra mâu thuẫn,

không ai báo cáo chính quyền địa phương, không đề nghị địa phương hòa giải mâu thuẫn nên địa phương không nắm bắt được. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh N. Địa phương đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị T và anh N theo quy định pháp luật.

Tòa án tiến hành lấy lời khai của bà Bùi Thị G là mẹ đẻ chị Phạm Thị T thể hiện: Chị T và anh N có tự nguyện tìm hiểu, trước khi kết hôn với chị T anh N đã có một đời vợ nhưng đã ly hôn. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐL, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn chị T về sống chung cùng anh N và con riêng anh N tại ĐL, Nam Sách. Quá trình chung sống vợ chồng có thời gian ngắn hòa thuận sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau tuy bà không được chứng kiến nhưng những lần chị T bỏ về nhà bà 4-5 lần chị T đều khóc và có kể lại mâu thuẫn vợ chồng. Bà có động viên chị T và chị T lại trở về sống cùng anh N nhưng vợ chồng vẫn xảy ra cãi vã nhau mâu thuẫn tình cảm vợ chồng càng căng thẳng hơn. Tháng 9/2022 chị T dọn đồ đạc, tư trang cùng con Trần Văn L bỏ về sống ở quê cùng bà và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Từ khi chị T về ở cùng bà anh N không tìm gặp đón chị T. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh N, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Anh Trần Văn N vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã cùng địa phương tống đạt thông báo thụ lý vụ án tiến hành lấy lời khai của anh Trần Văn N và giao các văn bản tài liệu của Tòa án Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập có sự chứng kiến của chính quyền địa phương, nhưng anh N không ký biên bản văn bản tố tụng của Tòa án, nên Tòa án đã lập biên bản về việc anh N không ký biên bản có sự chứng kiến của chính quyền địa phương. Nay anh N vắng mặt hai lần tại phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt anh Trần Văn N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX) nghị án đã thực hiện đúng trình tự quy định Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành Bộ luật tố tụng dân sự vắng mặt gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 47 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật

Hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T về việc ly hôn với anh Trần Văn N.

Về con chung: Giao con chung cháu Trần Văn L, sinh ngày 17/12/2007 cho chị Phạm Thị T nuôi dưỡng, anh Nản không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm;được trừ vào tiền đã nộp tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị T là nguyên đơn, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Trần Văn N là bị đơn, vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Phạm Thị T và anh Trần Văn N.

[2] Về thẩm quyền: Chị T có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Trần Văn N. Anh Nản hiện ĐKHKTT và cư trú tại Thôn HQ, xã ĐL, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Do vậy thẩm quyền Tòa án nhân dân huyện Nam Sách thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định pháp luật.

[3] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Trần Văn N kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐL, huyện Nam Sách vào ngày 29 tháng 8 năm 2001 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T và anh N chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách làm ăn kinh tế, chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình, trong cuộc sống tình cảm vợ chồng không tìm thấy tiếng nói chung, đã nhiều lần chị T bỏ về nhà mẹ đẻ quê Thanh Hà sống sau đó vì con nên chị đã quay về sống với anh N. Đến tháng 9 năm 2022, chị T đã bỏ về Thanh Hà sống đến nay và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Từ khi sống ly thân vợ chồng anh chị chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế. HĐXX xét thấy tình cảm vợ chồng chị T, anh N đã mâu thuẫn trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thêm xin ly hôn anh Nản. Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Trần Văn N.

[4] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trần Thị T, sinh ngày 25/01/2003, Trần Văn L, sinh ngày 17/12/2007. Hiện nay cháu T đã trưởng thành

nên anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị T đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Văn L và tự nguyện không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Do cháu L đang ở với chị N có cuộc sống ổn định, hiện chị T làm công nhân, có mức thu nhập bình quân hàng tháng là 6.800.000đ đến 9.000.000đ/tháng (trong đó có cả tiền tăng ca, làm thêm ngày nghỉ) và có nơi ở ổn định. Anh N cũng có quan điểm trường hợp chị T cương quyết ly hôn, anh đề nghị tiếp tục giao con cho chị T nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển của con chung, Toà án giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cháu L là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức: Chị T, anh N không yêu cầu nên Toà án không giải quyết. Do vậy HĐXX không giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56; Điều 58; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

Xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị T xin ly hôn anh Trần Văn N.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Trần Văn N.

2. Về con chung xử: Giao cho chị Phạm Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Trần Văn L, sinh ngày 17/12/2007 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cùng chị.

Anh Trần Văn N có quyền, nghĩa vụ đi lại chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3.Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng, công sức: Chị Phạm Thị T và anh Trần Văn N không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách, theo biên lai số AA/2021/0004036 ngày 10 tháng 4 năm 2023. Chị Phạm Thị T đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

5. Về quyền kháng cáo**:** Chị Phạm Thị T và anh Trần Văn N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Nam Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện Nam Sách;
- UBND xã Đồng Lạc, huyện Nam Sách;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án,
- Lưu VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hương